

**BỘ QUỐC PHÒNG
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ**



NGỌ VĂN DUY

**CỔ PHẦN HOÁ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NÓ ĐẾN XÂY DỰNG NỀN QUỐC
PHÒNG TOÀN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN
QUÂN KHU VII HIỆN NAY**

Chuyên ngành : Kinh tế chính trị
Mã số : 62 31 01 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2010

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - BỘ QUỐC PHÒNG**

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. PGS, TS Lại Ngọc Hải**
- 2. TS Chủ Văn Tuyên**

Phản biện 1: GS, TS Lê Du Phong

Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân

Phản biện 2: PGS, TS Lê Bàn Thạch

Học viện CT - HC Quốc gia Hồ Chí Minh

Phản biện 3: PGS, TS Nguyễn Minh Khải

Học viện Chính trị

Luận án đã được bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án Tiến sĩ cấp Học viện theo quyết định số: 271/QĐ-SĐH ngày 15 tháng 9 năm 2010 của Giám đốc Học viện Chính trị, họp tại Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng

Vào hồi 08 giờ 00 ngày 20 tháng 10 năm 2010

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Quân đội
- Thư viện Học viện Chính trị

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1. Ngô Văn Duy (2007), “Measures to Develop Small and Medium Enterprises in Đồng Nai”, *Tạp chí Economic development*, số 3/2007, tr.15 - 16.
2. Ngô Văn Duy (2007), “Một số giải pháp xây dựng lực lượng tự vệ trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu chiến thuật chiến dịch*, số 3/2007, tr.93 - 95.
3. Ngô Văn Duy (2008), “Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước ở Trung Quốc và những kinh nghiệm”, *Tạp chí Kiến thức quốc phòng hiện đại*, số 1/2009, tr.87 - 90.
4. Ngô Văn Duy (2009), “PRIVATIZATION IN ĐỒNG NAI SIUATION AND SOLUTIONS”, *Tạp chí Economic development*, số 3/2009, tr.23 - 25.
5. Ngô Văn Duy (2009), “Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức đảng trong công ty cổ phần có vốn nhà nước ở Đồng Nai”, *Tạp chí Cộng sản - Chuyên đề cơ sở*, số 32 (8 - 2009), tr.43 - 45.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sau hơn hai mươi năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, doanh nghiệp nhà nước (DNNN) cũng từng bước được đổi mới và dần dần khẳng định là bộ phận cấu thành quan trọng của thành phần kinh tế nhà nước (KTNN), góp phần quan trọng để KTNN giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, trước yêu cầu của xu thế hội nhập kinh tế quốc tế nhất là khi Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau, một bộ phận không nhỏ DNNN đã không chuyển mình kịp để đáp ứng yêu cầu mới đặt ra, bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém cả về hiệu quả sản xuất kinh doanh (SXKD), sức cạnh tranh tại thị trường trong nước và quốc tế, làm hạn chế vai trò chủ đạo của KTNN đặc biệt là trong việc góp phần ổn định và điều tiết nền kinh tế vĩ mô của nhà nước.

Để phù hợp với sự vận động của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đồng thời cũng là để tháo gỡ những khó khăn, hạn chế nhằm phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò chủ đạo của DNNN trong nền kinh tế, trong những năm qua, DNNN đã được sắp xếp, đổi mới để nâng cao hiệu quả SXKD với một loạt các giải pháp trong đó có giải pháp cổ phần hóa (CPH). Cổ phần hoá DNNN trong thời gian vừa qua về cơ bản đã bám sát và thực hiện đúng mục đích, yêu cầu do các Nghị quyết của Đảng đề ra là cơ cấu lại DNNN, giảm những DNNN quy mô quá nhỏ, kinh doanh thua lỗ, ở những lĩnh vực không nhất thiết phải có, để tập trung phát triển các doanh nghiệp (DN) lớn ở các lĩnh vực quan trọng, then chốt của nền kinh tế; hình thành loại hình DN đa sở hữu, thu hút các nguồn vốn xã hội vào phát triển kinh tế, có cơ chế quản lý năng động, hiệu quả hơn. Hầu hết các DNNN sau CPH đều có tốc độ tăng trưởng cao, hoạt động kinh doanh có hiệu quả (quy mô vốn, tỷ suất lợi nhuận, thu nhập của người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước đều tăng). Tuy nhiên, cổ phần hoá DNNN vừa qua thực hiện còn chậm và gặp không ít khó khăn. Trong quá trình CPH, việc xác định giá trị DN thời kỳ đầu, khi chưa đấu giá giá trị DN còn sơ sởi, chưa tính đúng, tính đủ giá trị thương hiệu, lợi thế kinh doanh và nhất là chưa xác định đúng giá trị quyền sử dụng đất để đưa vào giá trị DN, làm thất thoát tài sản nhà nước, làm giàu cho một số cá nhân, gây bức xúc trong xã hội. Đồng thời, quá trình CPH cũng làm xuất hiện những vấn đề mới trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã

hội (KT – XH) tác động đến việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân (QPTD) và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc (BVTQ). Bên cạnh đó, việc huy động các nguồn lực cho thực hiện nhiệm vụ xây dựng nền QPTD của các DNNN sau CPH cũng như thực trạng giải quyết mối quan hệ này trên phạm vi cả nước cũng như ở địa bàn Quân khu VII trên thực tế còn nhiều bất cập.

Quân khu VII là địa bàn có nhiều địa phương đi đầu và đạt được những kết quả quan trọng trong việc thực hiện CPH doanh nghiệp nhà nước ngay từ khi có chủ trương của Đảng và Nhà nước về vấn đề CPH. Đồng thời, Quân khu VII cũng là một trong những địa bàn trọng điểm về quốc phòng - an ninh trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (XHCN), đây cũng là địa bàn hội tụ những vấn đề nổi bật cả về CPH doanh nghiệp nhà nước và xây dựng nền QPTD.

Vì vậy, một trong những yêu cầu đặt ra là tiếp tục làm sáng tỏ lý luận và thực tiễn về CPH doanh nghiệp nhà nước, về mối quan hệ giữa CPH doanh nghiệp nhà nước với xây dựng nền QPTD và thực trạng của vấn đề này nói chung cũng như trên địa bàn Quân khu VII nói riêng, từ đó đề xuất những quan điểm và giải pháp cơ bản để phát huy những tác động tích cực và hạn chế những tác động tiêu cực của CPH và sau đó chuyển đổi DNNN đến xây dựng nền QPTD trên địa bàn. Với lý do đó, tác giả chọn vấn đề ***“Cơ phần hoá doanh nghiệp nhà nước và tác động của nó đến xây dựng nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn quân khu VII hiện nay”*** làm đề tài luận án tiến sĩ kinh tế.

2. Mục đích và nhiệm vụ

**** Mục đích:***

Luận giải những vấn đề cơ bản về lý luận, thực tiễn CPH doanh nghiệp nhà nước và tác động của nó đến xây dựng nền QPTD; Trên cơ sở đó xem xét những tác động của CPH doanh nghiệp nhà nước và đề xuất quan điểm, giải pháp góp phần thúc đẩy quá trình CPH doanh nghiệp nhà nước và phát huy những tác động tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực từ kết quả CPH đến xây dựng nền QPTD trên địa bàn Quân khu VII thời gian tới.

**** Nhiệm vụ***

- Luận giải những vấn đề lý luận và thực tiễn về CPH doanh nghiệp nhà nước và tác động của nó đến xây dựng nền QPTD.

- Trên cơ sở những vấn đề chung đó, phân tích rõ thực trạng CPH doanh nghiệp nhà nước và tác động của CPH doanh nghiệp nhà nước đến xây dựng nền QPTD trên địa bàn Quân khu VII.

- Đề xuất những quan điểm và giải pháp cơ bản nhằm thúc đẩy quá trình CPH doanh nghiệp nhà nước và phát huy những tác động tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực từ CPH đến xây dựng nền QPTD trên địa bàn Quân khu.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là những vấn đề kinh tế và quốc phòng của quá trình CPH doanh nghiệp nhà nước tại địa bàn Quân khu VII, và tác động hai chiều của quá trình đó đến xây dựng nền QPTD trên địa bàn Quân khu.

Phạm vi vấn đề nghiên cứu: Xây dựng nền QPTD ở Việt Nam có nội dung rộng lớn và phong phú, nhưng luận án đi vào nghiên cứu những tác động của CPH doanh nghiệp nhà nước đến xây dựng lực lượng (cả hiện hữu và tiềm tàng) và một bộ phận của nội dung cấu thành thể trận QPTD đó là tác động của CPH doanh nghiệp nhà nước đến xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) và phòng thủ dân sự trên địa bàn Quân khu VII. Thời gian khảo sát là từ năm 1992.

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp luận nghiên cứu

Cơ sở lý luận: luận án dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về CPH, về xây dựng nền QPTD; các chỉ thị, nghị quyết của Đảng uỷ Quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng, của Đảng uỷ Quân khu VII, qui định của lãnh đạo và chính quyền các tỉnh trên địa bàn Quân khu có liên quan đến nội dung luận án.

Cơ sở thực tiễn: từ thực trạng CPH doanh nghiệp nhà nước và những tác động của nó đến xây dựng nền QPTD trên địa bàn Quân khu; tác giả nghiên cứu, khảo sát thực tế ở một số DNNN trên địa bàn, tham khảo các thông tin, số liệu ở các công trình đã được công bố.

Phương pháp luận nghiên cứu: Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, luận án sử dụng phương pháp đặc thù của kinh tế chính trị Mác - Lênin; Trên cơ sở đó sử dụng các phương pháp đặc thù của kinh tế chính trị và kinh tế quân sự (KTQS) Mác - Lênin; kết hợp phương pháp logic và lịch sử, trừu tượng hoá khoa học, phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, và một số phương pháp khác đang được sử dụng trong nghiên cứu kinh tế.

5. Đóng góp mới của luận án

- Chỉ ra nội dung tác động của quá trình CPH doanh nghiệp nhà nước đến xây dựng nền QPTD nói chung, từ đó đánh giá thực trạng tác động trên địa bàn Quân khu VII.

- Xác định quan điểm và giải pháp chủ yếu nhằm vừa thúc đẩy CPH doanh nghiệp nhà nước diễn ra theo đúng quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, vừa phát huy những tác động tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực từ CPH, sau CPH doanh nghiệp nhà nước đến xây dựng nền QPTD trên địa bàn Quân khu VII.

6. Ý nghĩa của luận án

Những kết quả của luận án được rút ra từ nghiên cứu tại một địa bàn cụ thể (Quân khu VII), nhưng sẽ góp phần làm rõ thêm những vấn đề lý luận và thực tiễn về CPH doanh nghiệp nhà nước và tác động của nó đến xây dựng nền QPTD của nước ta nói chung trong điều kiện hiện nay.

Luận án có thể làm tài liệu tuyên truyền hoặc tham khảo trong nghiên cứu và giảng dạy môn kinh tế chính trị, KTQS trong các nhà trường quân đội.

7. Kết cấu của luận án

Gồm phần mở đầu; Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài; 3 chương (6 tiết); kết luận; danh mục các công trình khoa học của tác giả đã công bố có liên quan đến luận án; danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục.

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1. Một số tài liệu nghiên cứu nước ngoài về cổ phần hoá

về CPH và các vấn đề liên quan đến CPH có các công trình nghiên cứu: “*Công cuộc vận động công ty hoá ở Trung Quốc: một sự đánh giá và những hệ quả về chính sách*” của TIAN ZHU - Trường đại học Khoa học và kinh tế Hồng Kông (Viện Nghiên cứu quản lý Kinh tế Trung ương). “*Tìm tòi việc thí điểm cải cách chế độ cổ phần*” của Lý Trường Hải; Nhân dân nhật báo ngày 4/4/1994 (Học viện chính trị). “*Những vấn đề khó khăn và viễn cảnh của công cuộc cải cách xí nghiệp quốc doanh ở Trung Quốc*” của tác giả Trịnh Phúc Viên; đăng trên Tạp chí nghiên cứu “Trung công” (Đài Loan) số 9/1995... Tuy góc độ tiếp cận khác nhau, nhưng các nhà nghiên cứu đều thừa nhận, điều kiện quan trọng hàng đầu để tái cơ cấu thành công khu vực DNNN là phải có sự chuyển đổi cơ bản về sở hữu nhà nước và

tạo lập bộ máy quản lý có hiệu quả; phát triển các thể chế định hướng thị trường quốc gia.

2. Các công trình khoa học trong nước nghiên cứu về cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước

Xung quanh vấn đề CPH doanh nghiệp nhà nước có các công trình nghiên cứu: “Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước: kinh nghiệm thế giới”, của Hoàng Đức Tảo, Nguyễn Tiến Sơn, Ngô Xuân Bình. Sách do Nhà xuất bản Thống kê, xuất bản năm 1993. “Khu vực kinh tế quốc doanh ở các nước đang phát triển” do Đỗ Đức Định chủ biên. Sách do Nhà xuất bản Khoa học xã hội xuất bản năm 1990. “Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước - những vấn đề lý luận và thực tiễn” do PGS, Tiến sỹ Lê Hồng Hạnh chủ biên. Sách do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành năm 2004. “Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước nghiên cứu và vận dụng” của tác giả Phạm Ngọc Côn. Sách do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành năm 2001. “Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước và sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng trong công ty cổ phần” của các tác giả Phí Văn Chỉ, Đào Ngọc Long, Phùng Anh Tuấn. Sách do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành năm 2000. “CPH doanh nghiệp nhà nước: 15 năm nhìn lại” của Phạm Quang Huân, Tạp chí nghiên cứu kinh tế số 333 tháng 2/2006. “Đề CPH không trở thành tư nhân hoá về vận dụng phương pháp định giá trị doanh nghiệp khi CPH” của Châu Oanh, Tạp chí Tài chính số 5/2007. “CPH doanh nghiệp nhà nước - mấy vấn đề lý luận và thực tiễn” của Quang Cận, Tạp chí Cộng sản số 785 tháng 3/2008. “CPH, cải cách DNNN tăng tốc trong điều kiện mới” của Nguyễn Duy Long, Tạp chí Tài chính tháng 5/2008. “Nâng cao chất lượng và sớm hoàn thành nhiệm vụ CPH doanh nghiệp nhà nước” của Đặng Văn Thanh, Tạp chí Thông tin và dự báo KT - XH số 30 tháng 6/2008.

Dưới góc độ luận án, luận văn liên quan đến vấn đề CPH có các công trình nghiên cứu: “Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam”, luận án tiến sỹ kinh tế của tác giả Nguyễn Thị Thơm (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - 1999). “Các giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả tiến trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước”, luận án tiến sỹ kinh tế của tác giả Trần Hồng Thái (Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh - 2001). “Cổ phần hoá một số doanh nghiệp nhà nước trong ngành Giao thông vận tải - Thực

trạng và giải pháp”, *luận án tiến sỹ kinh tế của Lê Văn Hội (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - 2003)*. “Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước: Một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường”, *luận án tiến sỹ kinh tế của Nguyễn Đăng Liêm (Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh - 2003)*. “Một số giải pháp nhằm thúc đẩy tiến trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước trong công nghiệp Việt Nam”, *luận án tiến sỹ kinh tế của Hoàng Kim Nguyên. (Trường Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội - 2003)*. “Những vấn đề lý luận và thực tiễn về CPH và sau CPH doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam”, *luận án tiến sỹ kinh tế của tác giả Bùi Quốc Anh (Trường Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội - 2007)*.

Nhìn tổng quát, có thể khái quát hướng nghiên cứu chủ yếu của các công trình đó trên các nội dung cơ bản:

Thứ nhất, nghiên cứu và tổng kết khá công phu về lý luận và thực tiễn CPH doanh nghiệp nhà nước ở nước ta, từ đó khẳng định vai trò quan trọng của CPH doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường (KTTT) định hướng XHCN ở nước ta hiện nay.

Thứ hai, chỉ ra thực trạng, những hạn chế, khó khăn trong tiến trình CPH doanh nghiệp nhà nước ở nước ta hiện nay.

Thứ ba, nêu ra chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về CPH, đồng thời đưa ra một số kiến nghị và giải pháp để thúc đẩy nhanh tiến trình cổ phần hoá DNNN trong thời gian tới.

Xung quanh vấn đề liên quan đến quốc phòng – an ninh (QP – AN) có các công trình: “*Xây dựng và phát triển kinh tế nhà nước với vấn đề bảo đảm kinh tế cho quốc phòng ở Việt Nam hiện nay*”, luận án tiến sỹ của tác giả Phan Trần Đắc (Học viện Chính trị quân sự - 1996). “*Kết hợp kinh tế với quốc phòng ở nước ta hiện nay*”, luận án tiến sỹ kinh tế của tác giả Trần Trung tín (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - 1998). “*Phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và tác động của nó đối với xây dựng tiềm lực quốc phòng trên địa bàn Quân khu VII*”, luận án tiến sỹ kinh tế của tác giả Cán Văn Lực (Học viện Chính trị quân sự - 2007). “*Phát triển các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn Đồng Nai và tác động của nó đến xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh*”, luận văn thạc sỹ kinh tế của Nguyễn Đức Phương (Học viện Chính trị quân sự - 2000). “*Phát triển thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và tác động của nó tới củng cố quốc phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*”, luận văn thạc sỹ kinh tế của Trần Hoàng Trình (Học viện Chính trị quân sự - 2004). Các công trình này hướng

vào việc tiếp cận nghiên cứu ở khía cạnh kết hợp kinh tế với quốc phòng và lĩnh vực quân sự.

Tuy nhiên, cho đến nay, ở trong nước và nước ngoài chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu một cách toàn diện về CPH doanh nghiệp nhà nước và những tác động của nó (đặc biệt là giai đoạn sau CPH) đến xây dựng nền QPTD trên địa bàn Quân khu VII. Vì vậy, hướng nghiên cứu của luận án có ý nghĩa cả lý luận và thực tiễn mà không trùng lặp với các công trình khoa học đã được công bố.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN CƠ BẢN VỀ CỔ PHẦN HOÁ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NÓ ĐẾN XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN

1.1. Những vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước

1.1.1. Cổ phần hoá và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước

1.1.1.1. Cổ phần hoá

Cổ phần hoá là một hiện tượng kinh tế xuất hiện trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản (CNTB) mà thực chất của nó là việc xã hội hoá tư liệu sản xuất (TLSX) vốn thuộc sở hữu của các chủ tư bản cá biệt thành sở hữu mang tính xã hội (hay dưới dạng tập thể các nhà tư bản trong đó có một bộ phận được thực hiện dưới hình thức các công ty cổ phần (CTCP) - các công ty thuộc sở hữu nhà nước). C.Mác đã đi sâu phân tích những ảnh hưởng của quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa (TBCN), so sánh công ty cổ phần TBCN với nhà máy hợp tác của người công nhân và đánh giá cao vai trò của các CTCP đối với quá trình này và khẳng định sự ra đời của các CTCP là một bước tiến của LLSX. C.Mác chỉ ra, dưới chủ nghĩa tư bản, có hai con đường dẫn đến sự ra đời của CTCP là các CTCP ra đời từ việc biến các công ty thuộc sở hữu tư nhân thành các CTCP; và CPH các công ty thuộc sở hữu nhà nước tư bản thành các CTCP.

1.1.1.2. Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước

Cổ phần hoá DNNN nhìn tổng quát, có hai loại hình: CPH doanh nghiệp nhà nước thuộc sở hữu tư bản và CPH doanh nghiệp nhà nước thuộc sở hữu nhà nước XHCN. Hướng nghiên cứu của luận án là nghiên cứu CPH doanh nghiệp nhà nước các nền kinh tế thuộc các nước XHCN trước đây nay thực

hiện cải cách, đổi mới, chuyển sang mô hình kinh tế theo định hướng XHCN hoặc KTTT định hướng XHCN.

Đối với nước ta, thuật ngữ CPH doanh nghiệp nhà nước xuất hiện và được sử dụng gắn liền với quá trình sắp xếp, đổi mới DNNN. Xoay quanh khái niệm CPH đã có một vài cách tiếp cận khác nhau. Song có thể hiểu CPH doanh nghiệp nhà nước ở nước ta hiện nay là *chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, thành CTCP, có cơ cấu sở hữu đa dạng, bảo đảm huy động các nguồn lực cho phát triển SXKD nhằm mục đích nâng cao hiệu quả hoạt động của DN, để các doanh nghiệp sau CPH cùng với các thực thể khác thuộc thành phần kinh tế nhà nước khẳng định trên thực tế vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, đáp ứng yêu cầu của quy luật quan hệ sản xuất (QHSX) phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất (LLSX) trong nền KTTT định hướng XHCN.*

1.1.1.3. Cơ sở khách quan của chủ trương cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam

Ở Việt Nam chủ trương CPH doanh nghiệp nhà nước được xuất phát từ những vấn đề lý luận và thực tiễn sau đây: *Thứ nhất*, xuất phát từ yêu cầu của quy luật sự phù hợp QHSX với trình độ phát triển của LLSX; *Thứ hai*, xuất phát từ yêu cầu nâng cao hiệu quả SXKD và vai trò chủ đạo của KTNN; *Thứ ba*, xuất phát từ yêu cầu khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển KT - XH; *Thứ tư*, nhằm nâng cao hiệu quả của DNNN trong hội nhập kinh tế quốc tế.

1.1.2. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước

Chủ trương về CPH doanh nghiệp nhà nước của Đảng và Nhà nước được hình thành khá sớm. Trong quyết định số 21/HĐBT ngày 14/7/1987 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), về đổi mới kế hoạch và hạch toán kinh doanh XHCN, đảm bảo quyền tự chủ đối với xí nghiệp quốc doanh, đã đề cập tới việc thí điểm tiến hành CPH doanh nghiệp nhà nước.

Với *chương trình CPH thí điểm*, ngày 8/6/1992, Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 202/CT - HĐBT về “Thực hiện thí điểm việc chuyển các xí nghiệp quốc doanh thành các CTCP”. Đây được coi là mốc quan trọng đánh dấu bước chuyển vào giai đoạn thí điểm CPH doanh nghiệp nhà nước. Để thực hiện quyết định này, theo Chỉ thị số 84/TTg ngày 4/3/1993

về “hướng dẫn đẩy mạnh chương trình thí điểm chuyển các xí nghiệp quốc doanh thành các CTCP.

Với *chương trình CPH mở rộng* bằng việc ban hành Nghị định số 28/CP ngày 7/3/1996 với mục tiêu: Chuyển các xí nghiệp quốc doanh không chiến lược, quy mô vừa và nhỏ thành các CTCP nhằm huy động vốn của các cán bộ công nhân viên xí nghiệp và các nhà đầu tư bên ngoài để đổi mới công nghệ và phát triển DN; tạo điều kiện cho các cán bộ công nhân viên của xí nghiệp và các nhà đầu tư bên ngoài được sở hữu các cổ phần và đóng vai trò người chủ thực sự đồng thời tạo ra các động lực mới thúc đẩy hiệu quả hoạt động kinh doanh của các DN. Thể chế hoá quan điểm của Đảng, ngày 29/6/1998 Chính phủ ban hành Nghị định số 44/1998 NĐ - CP thay thế cho các văn bản trước đó về CPH.

Hội nghị Trung ương 3 (khoá IX) về sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả DNNN, Đảng ta xác định phải kiên quyết điều chỉnh cơ cấu để DNNN có cơ cấu hợp lý, theo đó một trong những giải pháp cơ bản là đẩy mạnh CPH. Cổ phần hoá DNNN được coi là khâu quan trọng để tạo chuyển biến cơ bản trong việc nâng cao hiệu quả DNNN. Với chủ trương đổi mới toàn diện, sâu sắc DNNN theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khoá IX), Chính phủ ban hành Nghị định số 64/2002/NĐ - CP thay thế Nghị định 44/1998/NĐ - CP và ra Quyết định số 50/2002/NĐ - CP về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại DNNN và một số văn bản khác. Hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) tiếp tục đề ra những chủ trương, giải pháp mới hết sức quan trọng cho việc đổi mới, sắp xếp lại DNNN.

Tiếp tục thể chế hoá quan điểm của Đại hội Đảng toàn quốc là thứ X về đẩy mạnh việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN, trọng tâm là CPH, Chính phủ đã ban hành nghị định 109/2007/NĐ - CP về chuyển DN 100% vốn Nhà nước thành CTCP và đây là văn bản mới nhất về CPH thay thế cho Nghị định số 187/2004/NĐ - CP ngày 16/11/2004 về chuyển công ty Nhà nước thành CTCP.

1.2. Tác động của cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước đến xây dựng nền quốc phòng toàn dân

1.2.1. Cơ sở khoa học về sự tác động của cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đến xây dựng nền quốc phòng toàn dân

Xây dựng nền quốc phòng nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và BVTQ là vấn đề có tính quy luật của mọi quốc gia, dân tộc. Đối với nước ta, quan điểm về xây dựng nền quốc phòng của dân, do dân, vì dân là quan điểm, tư tưởng xuyên suốt mọi thời kỳ cách mạng. Trong điều kiện thế giới đương đại đang có những biến động nhưng Đảng và Nhà nước ta vẫn kiên định “xây dựng nền QPTD và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện”.

Quốc phòng, theo quan niệm chung nhất là công cuộc giữ nước của một quốc gia. Quốc phòng Việt Nam là công cuộc giữ nước của nước cộng hoà XHCN Việt Nam bằng sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, trong đó sức mạnh quân sự là đặc trưng, lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Nền quốc phòng của nước cộng hoà XHCN Việt Nam là nền QPTD.

Nền quốc phòng toàn dân được xây dựng ở nước ta là sức mạnh quốc phòng của đất nước được xây dựng trên nền tảng nhân lực, vật lực, tinh thần mang tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường.

Xây dựng nền QPTD là hoạt động chủ động, tích cực của Đảng, Nhà nước, toàn dân, của mọi lực lượng, mọi thành phần kinh tế nhằm huy động sức mạnh của toàn dân tộc cho việc chuẩn bị các điều kiện để phòng thủ, BVTQ bao gồm việc xây dựng ý chí, quyết tâm, đường lối BVTQ, xây dựng lực lượng quốc phòng và thế trận quốc phòng. Bảo đảm cho đất nước hoà bình, ổn định để phát triển về mọi mặt, đồng thời phòng chống và răn đe có hiệu quả mọi âm mưu thủ đoạn xâm lược của kẻ thù.

Thế trận QPTD là tổ chức, bố trí hợp lý lực lượng của cả nước trên trên toàn bộ lãnh thổ theo một ý định để giữ nước, chống mọi âm mưu, hành động phá hoại, xâm lược của kẻ thù. Nội dung xây dựng thế trận QPTD bao gồm: xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố); thực hiện phân vùng chiến lược gắn với hậu phương chiến lược theo ý định chiến lược bảo vệ Tổ quốc; xây dựng thế trận phòng thủ trên các hướng (các khu vực) trọng điểm gắn với khu vực phòng thủ địa phương và thế bố trí của các binh đoàn chủ lực cơ động, các quân binh chủng; tổ chức phòng thủ dân sự bảo đảm toàn dân đánh giặc và phòng tránh khắc phục hậu quả chiến tranh; kết hợp thế trận QPTD với thế trận an ninh nhân dân.

Dưới góc độ kinh tế, thể trận QPTD ở nước ta là thể trận đảm bảo sự phù hợp và ăn khớp giữa yêu cầu kinh tế và quốc phòng trong một thể bố trí chiến lược thống nhất để làm chủ cả về kinh tế và quốc phòng. Về thực chất đó là việc qui hoạch, bố trí cơ sở sản xuất, phân vùng kinh tế, thực hiện được sự kết hợp giữa lực lượng lao động với đất đai, nguồn tài nguyên, giữa LLSX với lực lượng chiến đấu phù hợp với điều kiện địa hình ở từng địa phương và trên phạm vi cả nước.

Về xây dựng lực lượng của nền QPTD.

Lực lượng của nền QPTD bao gồm cả con người, phương tiện vật chất và các khả năng được xây dựng để sử dụng vào việc răn đe, ngăn chặn, đập tan mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, kể cả khi chúng tiến hành chiến tranh xâm lược với mọi qui mô, hình thức; giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh đất nước, trật tự an toàn xã hội. Dưới góc độ kinh tế đó là bộ phận hiện có và tiềm tàng của nền kinh tế. *Thứ nhất*, bộ phận hiện có thực chất là bộ phận kinh tế quân sự đang phục vụ cho hoạt động của nền QPTD. *Thứ hai*, bộ phận tiềm tàng - bộ phận được duy trì ở dạng tiềm năng trong một số ngành kinh tế kỹ thuật và trong công nghiệp quốc phòng để sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu quân sự tăng đột biến của các thời kỳ chiến tranh.

Sự tác động của CPH doanh nghiệp nhà nước đến xây dựng nền QPTD ở nước ta có thể được xem xét trên nhiều góc độ cả về kinh tế, chính trị, KHCN và quân sự. Vấn đề này xuất phát từ những cơ sở lý luận và thực tiễn sau đây:

Một là, xuất phát từ quan điểm chủ nghĩa Mác- Lênin về mối quan hệ giữa kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế.

Hai là, xuất phát từ vai trò của các DN cổ phần trong việc tăng cường tiềm lực kinh tế cho xây dựng nền QPTD.

Ba là, xuất phát từ quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ xây dựng nền QPTD trong tình hình hiện nay.

1.2.2. Nội dung tác động của cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước đến xây dựng nền quốc phòng toàn dân

Xem xét sự tác động của CPH doanh nghiệp nhà nước đến xây dựng nền QPTD ở nước ta hiện nay có thể đề cập đến những nội dung cơ bản dưới đây:

1.2.2.1. Cổ phần hoá DNNN tác động đến xây dựng thể trận QPTD.

Xây dựng thể trận QPTD hiện nay gắn liền với xây dựng thể trận an ninh nhân dân, thể trận lòng dân tạo nên sức mạnh tổng hợp trên mỗi địa bàn và của quốc gia. Việc xây dựng thể trận quốc phòng trong từng khu vực phòng thủ cũng như thể bố trí chiến lược quốc gia phải căn cứ vào hiện trạng của lực lượng và tiềm lực quốc phòng đất nước trong từng giai đoạn nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc. Do đó, các DNNN sau khi CPH vẫn là cơ sở để Nhà nước nắm trong tay các nguồn lực vật chất, các cơ sở ấy được bố trí tại các khu vực trọng yếu và phát huy tốt tác dụng do làm ăn có hiệu quả, làm cho Nhà nước thống nhất được cơ sở vật chất của các cơ sở kinh tế kỹ thuật và cơ sở vật chất kỹ thuật của hệ thống công nghiệp quốc phòng tại mỗi địa bàn.

1.2.2.2. Cổ phần hoá DNNN tác động đến việc xây dựng các yếu tố cấu thành tiềm lực quốc phòng của nền QPTD.

Thứ nhất, Tác động đến việc xây dựng tiềm lực kinh tế (TLKT), tiềm lực kinh tế quân sự (KTQS) - yếu tố chủ yếu của tiềm lực quốc phòng. *Thứ hai*, Tác động đến việc xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ (KH-CN) là cơ sở, tiền đề để củng cố, tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ quân sự. *Thứ ba*, Tác động đến việc xây dựng tiềm lực chính trị tinh thần của nền QPTD. *Thứ tư*, Tác động đến quá trình xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng và động viên công nghiệp của nền QPTD.

1.2.2.3. Cổ phần hoá DNNN tác động đến việc xây dựng lực lượng vũ trang của nền QPTD. Khi đề cập đến nhiệm vụ BVTQ và nhiệm vụ quốc phòng, yêu cầu trước tiên được đặt ra là xây dựng nền QPTD theo đó phải gắn việc xây dựng và chuẩn bị thể trận chiến tranh nhân dân với việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Theo quan điểm của Đảng ta, lực lượng vũ trang nhân dân ở nước ta hiện nay bao gồm Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, lực lượng DBĐV, dân quân tự vệ. Cổ phần hoá DNNN là một trong những giải pháp thúc đẩy LLSX phát triển, củng cố, hoàn thiện QHSX xã hội chủ nghĩa. Làm cho QHSX mới ngày càng phát huy tác dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN. Quá trình vận hành giữa các nhân tố tác động biện chứng với nhau để vừa tạo ra cơ sở kinh tế vừa tạo ra cơ sở chính trị xã hội để nguồn nhân lực của các lực lượng vũ trang nhân dân có sự phát triển về chất trên tất cả các phương diện.

Kết luận chương 1

Cổ phần hoá là giải pháp quan trọng trong việc đổi mới DNNN cả về hình thức sở hữu và phương thức quản trị, nhằm tạo chuyển biến căn bản trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực KTNN. Cổ phần hoá DNNN ở nước ta hiện nay là xu hướng vận động phù hợp yêu cầu khách quan của quá trình phát triển kinh tế, củng cố sức mạnh kinh tế và quốc phòng của đất nước. Cổ phần hoá DNNN tác động sâu rộng, nhiều chiều cả tích cực và tiêu cực đến nhiều lĩnh vực của đời sống KT - XH, trong đó có lĩnh vực xây dựng nền QPTD. Là một quốc gia đi sau trong việc thực hiện CPH doanh nghiệp nhà nước, do đó chúng ta cần phải vận dụng những kinh nghiệm về lĩnh vực này cho phù hợp để thực hiện thành công CPH ở nước ta.

Chương 2

THỰC TRẠNG CỔ PHẦN HOÁ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NÓ ĐẾN XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN QUÂN KHU VII HIỆN NAY

2.1. Những thành tựu, hạn chế cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước tại các địa phương trên địa bàn Quân khu VII

2.1.1. Quân khu VII và những đặc điểm chủ yếu liên quan đến tình hình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn

*** Đặc điểm chung về địa bàn Quân khu VII**

Địa bàn Quân khu VII gồm 9 tỉnh - thành phố (Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Bình Dương, Long An, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận và Lâm Đồng), 103 Quận, Huyện, Thị với 1323 Xã, Phường, Thị trấn. Diện tích tự nhiên toàn Quân khu là 45.449,10 km², dân số 16.227.480 người. Địa bàn Quân khu VII thường xuyên là một trọng điểm chống phá trong chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến các lĩnh vực của đời sống xã hội trên địa bàn trong đó có nhiệm vụ xây dựng nền QPTD.

*** Đặc điểm liên quan đến xây dựng nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn Quân khu VII**

Hiện nay Quân khu VII được xác định là địa bàn chiến lược quan trọng của cả nước trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN. Lực lượng vũ trang trên địa bàn Quân khu có truyền thống đánh giặc giữ nước, có sức mạnh đoàn kết; Quân khu có thế trận chiến tranh nhân dân được chuẩn bị từ rất sớm và tương đối vững chắc. Trên địa bàn Quân khu có

nhiều đơn vị thuộc lực lượng vũ trang đứng chân, đủ các quân, binh chủng hải, lục, không quân, bộ đội biên phòng, đủ các quy mô tổ chức: các đơn vị quy mô cấp chiến lược (quân đoàn) chiến dịch (các sư đoàn); các đơn vị cơ động và các lực lượng tại chỗ. Quân khu còn là nơi tập trung của nhiều cơ sở công nghiệp quốc phòng không chỉ của Quân khu VII mà của cả Nam bộ và Trung bộ. Là nơi có nhiều cơ sở sản xuất quân sự, các đơn vị kinh tế thuộc diện động viên công nghiệp; về kết cấu hạ tầng quân sự cũng có đủ các loại: sân bay dân dụng, sân bay cấp quốc tế, sân bay quân sự, cảng biển và hệ thống kho tàng quân sự... Với một lực lượng lớn, đa dạng về loại hình và quy mô như vậy, lại có các cơ sở kinh tế quân sự, lực lượng DBĐV- bộ phận tiềm tàng của KTQS to lớn, cho thấy sẽ là điều kiện thuận lợi cho nhiệm vụ xây dựng nền QPTD trên địa bàn cũng như cả nước.

**** Những đặc điểm kinh tế - xã hội và tình hình DNNN đối tượng chủ yếu của CPH trên địa bàn Quân khu***

Quân khu VII có 08/09 Tỉnh (thành phố) nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của đất nước thu hút một tỷ lệ lớn nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Trên địa bàn có 83 khu công nghiệp, 04 khu chế xuất, 06 khu kinh tế mở, 02 khu công nghệ cao, 02 công viên phần mềm và 11 cụm công nghiệp đồng thời có nhiều ngành công nghiệp quan trọng nhất với số lượng công nghiệp chiếm tỷ trọng cao nhất trong cả nước. Trong nhiều năm qua, các địa phương trên địa bàn Quân khu VII luôn là khu vực kinh tế phát triển năng động nhất của cả nước về quy mô và hiệu quả, hàng năm đóng góp cho ngân sách nhà nước trên 30% GDP; chiếm 58% tổng thu ngân sách, 73,4% tổng giá trị xuất khẩu của cả nước; Phần lớn DNNN ở các địa phương trên địa bàn Quân khu được hình thành từ những cơ sở sản xuất kinh doanh của chế độ cũ nên công nghệ đa phần là lạc hậu, không đồng bộ, manh mún, luôn gắn với nền kinh tế mang đậm tính chất “tự cung tự cấp”, việc phân bố theo vùng, tỉnh không đồng đều. Bước vào thời kỳ đổi mới, khu vực DNNN trên địa bàn tiếp tục nắm giữ các ngành, các lĩnh vực kinh tế quan trọng liên quan đến QP - AN, đến an sinh xã hội và các ngành mũi nhọn, trọng yếu của nền kinh tế góp phần điều chỉnh sự cân bằng của nền kinh tế, duy trì sự ổn định chính trị - xã hội. Tuy nhiên, khu vực DNNN trên địa bàn cũng đang bộc lộ nhiều hạn chế. Vì vậy, việc CPH doanh nghiệp nhà nước của các địa phương trên địa bàn là vấn đề cấp thiết để góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển và huy động các nguồn lực cho nhiệm vụ xây dựng nền QPTD trên địa bàn.

2.1.2. Thành tựu cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước của các địa phương trên địa bàn Quân khu VII

Một là, các địa phương trên địa bàn quân khu VII đã quán triệt, cụ thể hoá và triển khai đúng định hướng, vững chắc các nghị quyết của Đảng, Nhà nước về CPH doanh nghiệp nhà nước.

Hai là, thông qua CPH, hệ thống DNNN trên địa bàn được cơ cấu lại một cách thích hợp, có qui mô ngày càng lớn hơn.

Ba là, CPH đã huy động được nguồn vốn của xã hội đầu tư vào phát triển SXKD.

Bốn là, Sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sau CPH ngày càng có hiệu quả hơn.

Năm là, sau CPH, thu nhập của người lao động ngày càng tăng, chính sách đối với lao động dôi dư do CPH được thực hiện tốt hơn làm cho DN và người lao động yên tâm hơn trong quá trình cổ phần hoá DNNN trên địa bàn.

Những thành tựu CPH doanh nghiệp nhà nước của các địa phương trên địa bàn Quân khu VII bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân cả chủ quan và khách quan.

2.1.3. Những hạn chế và nguyên nhân của nó trong cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước của các địa phương trên địa bàn Quân khu VII

2.1.3.1. Những hạn chế.

Một là, một bộ phận cán bộ, người lao động và nhân dân ở các địa phương trên địa bàn chưa nhận thức đầy đủ về thực chất và lợi ích của của quá trình CPH doanh nghiệp nhà nước.

Hai là, việc xác định giá trị tài sản DNNN khi CPH còn có sơ hở, (chưa tính đúng, đủ giá trị quyền sử dụng đất, lợi thế kinh doanh), gây thất thoát tài sản của nhà nước, tạo nên bức xúc trong xã hội.

Ba là, việc thực hiện chính sách đối với người lao động còn những bất cập.

Bốn là, sau khi CPH, các DN đều đặt mục tiêu lợi nhuận DN, lợi ích của các cổ đông lên hàng đầu, do vậy, việc thực hiện nghĩa vụ đối với xã hội, nhiệm vụ QP - AN ít được quan tâm.

2.1.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Nguyên nhân khách quan: *Một là*, trình độ phát triển của LLSX còn thấp. Đa phần cơ sở vật chất - kỹ thuật còn ở trình độ thấp kém, máy móc cũ, công nghệ lạc hậu. Chủ yếu vẫn là lao động thủ công. Trình độ phân công lao động xã hội

trên địa bàn còn thấp. *Hai là*, trình độ dân trí thấp, đa số người lao động còn mang nặng lối tư duy cũ của kinh tế tiểu nông.

Nguyên nhân chủ quan: Một là, nhiều cơ quan nhà nước, cán bộ lãnh đạo, quản lý DN cũng như người lao động trên địa bàn chưa nhận thức rõ nội dung, bản chất, đối tượng và lợi ích của CPH doanh nghiệp nhà nước và phát triển các CTCP nên còn tư tưởng chần chừ, do dự, chờ đợi. *Hai là*, công tác tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, phổ biến chủ trương, chính sách chế độ về CPH doanh nghiệp nhà nước còn hạn chế, chưa làm thường xuyên. *Ba là*, cơ chế, chính sách về CPH doanh nghiệp nhà nước tuy được đổi mới, điều chỉnh khá thường xuyên nhưng vẫn chưa theo kịp, bao quát được tính đa dạng, phong phú của thực trạng phát triển của DN hiện nay, trong đó đáng lưu ý là phương án làm ăn của DN sau khi CPH chưa thực sự hấp dẫn, lôi cuốn cổ đông tham gia. *Bốn là*, sự chỉ đạo của các cấp, các ngành kể cả ở Trung ương cũng như các địa phương trên địa bàn còn thiếu cương quyết, chưa sâu sát.

2.2. Thực trạng tác động của cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước đến xây dựng nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn Quân khu VII

2.2.1. Những tác động tích cực từ cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước đến xây dựng nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn Quân khu VII

Thứ nhất, CPH doanh nghiệp nhà nước góp phần tăng cường TLKT để bảo đảm các nhu cầu cho xây dựng nền QPTD trên địa bàn Quân khu ngày một tốt hơn.

Thứ hai, cổ phần hoá DNNN góp phần tăng cường TLKT quân sự mà trực tiếp là hệ thống công nghiệp quốc phòng phục vụ cho xây dựng nền QPTD trên địa bàn Quân khu VII.

Thứ ba, cổ phần hoá DNNN của các địa phương trên địa bàn Quân khu góp phần tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ quân sự của nền QPTD.

Thứ tư, cổ phần hoá DNNN góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ trực tiếp cho xây dựng lực lượng vũ trang trên địa bàn Quân khu.

2.2.2. Những tác động tiêu cực của cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước đến xây dựng nền quốc phòng toàn dân

Thứ nhất, quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước xuất hiện những tiền đề là gia tăng nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế nói chung, trên địa bàn nói riêng; *Thứ hai*, việc xây dựng tiềm lực chính trị - tinh thần của nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn gặp nhiều khó khăn do hệ quả của cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước đem lại; *Thứ ba*, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước làm cho khả năng huy động tiềm lực kinh tế để thực hiện các nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn sẽ gặp khó khăn trở ngại; *Thứ tư*, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước làm cho việc xây dựng lực lượng vũ trang mà trực tiếp là lực lượng tự vệ, dự bị động viên trong công ty cổ phần trên địa bàn gặp khó khăn hơn; *Thứ năm*, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước làm cho vai trò của tổ chức đảng - hạt nhân của hệ thống chính trị, nhân tố quyết định chất lượng sức mạnh chính trị tinh thần của nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn gặp lúng túng, khó khăn trong thực hiện chức năng lãnh đạo công ty cổ phần.

2.2.3. Những vấn đề đặt ra trong quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước và tác động của nó đến xây dựng nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn quân khu VII

Một là, mâu thuẫn giữa yêu cầu của mô hình quản lý doanh nghiệp với việc đổi mới cơ chế, chính sách và nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ ở doanh nghiệp cổ phần trên địa bàn Quân khu.

Hai là, mâu thuẫn giữa yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của đảng, quản lý của nhà nước với mô hình quản lý doanh nghiệp và tổ chức lãnh đạo trong doanh nghiệp cổ phần trên địa bàn Quân khu.

Ba là, mâu thuẫn giữa khả năng huy động với cơ chế huy động các nguồn lực cho nhiệm vụ xây dựng nền QPTD trên địa bàn Quân khu.

Bốn là, mâu thuẫn giữa yêu cầu với khả năng xây dựng lực lượng của nền QPTD trong doanh nghiệp cổ phần trên địa bàn Quân khu.

Kết luận chương 2

Cổ phần hoá DNNN tại các địa phương trên địa bàn Quân khu VII là yêu cầu khách quan, nằm trong lộ trình đổi mới, cải cách DNNN của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. Thực trạng CPH doanh nghiệp nhà nước của các địa phương trên địa bàn Quân khu VII cho thấy những hạn chế có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Quá trình CPH doanh nghiệp nhà nước của các địa phương trên địa bàn cũng tác động sâu rộng, nhiều chiều cả tích cực và không tích cực đến quá trình xây dựng nền QPTD trên địa bàn Quân khu.

Chương 3

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY CỔ PHẦN HOÁ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC GẮN VỚI XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN QUÂN KHU VII HIỆN NAY

3.1. Những quan điểm cơ bản

3.1.1. Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tăng cường vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế nhà nước

Luận án khẳng định: vấn đề có tính nguyên tắc trong quá trình CPH doanh nghiệp nhà nước là phải giữ vững định hướng XHCN. Mất phương hướng này, mục tiêu CPH sẽ không thực hiện được. Đây không những là nội dung biểu hiện về sự kiên định mục tiêu lý tưởng mà toàn Đảng, toàn dân ta đã lựa chọn, mà còn là cơ sở để phát huy mọi tiềm năng, thế mạnh cho phát triển kinh tế và củng cố nền QPTD trên địa bàn Quân khu. Quán triệt quan điểm này cần chú ý một số yêu cầu sau đây: *Một là*, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bao gồm của cả Trung ương và cấp uỷ các địa phương trên địa bàn đối với quá trình CPH doanh nghiệp nhà nước cũng như bảo đảm các điều kiện cho các DN sau CPH không ngừng phát triển. *Hai là*, giáo dục, tuyên truyền chủ trương, mục tiêu CPH doanh nghiệp nhà nước với giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao ý thức QPTD cho mọi tầng nhân dân, đặc biệt là lực lượng lao động trong các doanh nghiệp CPH trên địa bàn. *điều luật đó. Ba là*, phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; công tác tổng kết rút kinh nghiệm quá trình CPH doanh nghiệp nhà nước để uốn nắn kịp thời những biểu hiện lệch lạc, sai trái; hoàn thiện cơ chế, chính sách thực hiện ngày càng tốt hơn, hiệu quả hơn trong CPH doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn.

3.1.2. Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước các địa phương thuộc Quân khu VII phải hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế với xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh trên địa bàn

Xây dựng và BVTQ được Đảng ta xác định là hai nhiệm vụ chiến lược có mối quan hệ chặt chẽ không tách rời nhau. Trong đó phát triển kinh tế được coi là nhiệm vụ hàng đầu, củng cố quốc phòng là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên. Vì vậy, mục tiêu phát triển kinh tế với xây dựng nền quốc phòng toàn dân nói chung, trên địa bàn Quân khu VII nói riêng trong quá trình CPH phải là mục tiêu hướng tới của tất cả các địa phương thuộc địa bàn Quân khu. Quan điểm này cũng khẳng định chỉ rõ là tất cả các DNNN trên địa bàn Quân khu thuộc diện CPH và đã CPH, trong xây dựng chiến lược cũng như trong quá trình SXKD phải bán sát cả hai mục tiêu trên.

Quán triệt quan điểm này, cần nắm vững và thực hiện tốt các yêu cầu: *Một là*, quá trình CPH doanh nghiệp nhà nước và xây dựng nền QPTD trên địa bàn Quân khu VII phải hướng vào mục tiêu thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và BVTQ. *Hai là*, gắn kết lộ trình thực hiện kế hoạch CPH doanh nghiệp nhà nước với nhiệm vụ và các kế hoạch về củng cố quốc phòng. *Ba là*, gắn liền với việc nâng cao hiệu quả của CPH doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn, cần có kế hoạch xây dựng QPTD và an ninh nhân dân vững chắc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ BVTQ trong tình hình mới. *Bốn là*, tận dụng có hiệu quả thành quả của quá trình đổi mới kỹ thuật, công nghệ, nâng cao trình độ tay nghề của người lao động do hiệu quả của quá trình CPH doanh nghiệp nhà nước đem lại để phục vụ cho nhiệm vụ xây dựng nền QPTD trên địa bàn.

3.1.3. Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước vừa phải tuân thủ những chủ trương, chính sách của Đảng, quy định của Nhà nước, vừa phát huy tính chủ động, sáng tạo của các địa phương, vai trò chủ thể của doanh nghiệp

Luận án khẳng định: Cổ phần hoá DNNN phải đặt trong tổng thể sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả DNNN và chiến lược phát triển KT - XH; quá trình này vừa phải tuân thủ những chủ trương, chính sách của Đảng, qui định của Nhà nước đồng thời vừa phải phát huy tính chủ động, sáng tạo của các địa phương và vai trò chủ thể của các DN trên địa bàn Quân khu. Chủ trương, chính sách của Đảng, qui định của Nhà nước, tính sáng tạo của chính quyền các địa phương và tính chủ thể của DN sẽ là cơ sở pháp lý, là điều kiện cần thiết để CPH được thực hiện thành công. Vì vậy, quán triệt quan điểm này, các địa phương trên địa bàn Quân khu cần chú ý một số yêu cầu: *Một là*, quán triệt đầy đủ chủ trương, chính sách của Đảng, qui định của Nhà nước, tạo sự nhất trí và quyết tâm cao trong cấp uỷ và chính quyền các địa phương và trong mỗi DN thuộc diện CPH trong việc triển khai thực hiện lộ trình CPH doanh nghiệp nhà nước. *Hai là*, quá trình xây dựng phương án, lộ trình CPH doanh nghiệp nhà nước, phải tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ từ cơ sở DN cho đến các cơ quan quản lý các cấp. *Ba là*, trên cơ sở chủ trương, chính sách của Đảng, qui định của Nhà nước, Ban đổi mới và phát triển DN các địa phương cần chủ động sáng tạo trong việc tham mưu, tư vấn cho cấp uỷ và chính quyền, chỉ đạo sâu sát thường xuyên, phối kết hợp chặt chẽ, hoạt động nhịp nhàng có hiệu quả giữa các ngành, các cấp, đôn đốc, kiểm tra, đẩy mạnh tổ chức thực hiện phương án đã phê duyệt. *Bốn là*, phát huy cao độ tinh thần dân chủ trong nội bộ công ty.

3.1.4. Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước phải nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững trên địa bàn Quân khu

Quan triệť quan điểm này, cần chú ý những yêu cầu: *Một là*, quan triệť tốt việc định giá tài sản DN trong quá trình thực hiện CPH doanh nghiệp nhà nước. *Hai là*, quan tâm giải quyết tốt lợi ích của người lao động trong và sau CPH nhằm phát huy tính tự chủ, sáng tạo trong SXKD. *Ba là*, nâng cao hiệu quả SXKD và sức cạnh tranh của các DN sau CPH.

3.2. Những giải pháp chủ yếu

3.2.1. Đổi mới cơ chế, chính sách để thúc đẩy quá trình cổ phần hóa, các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá phát triển bền vững và đáp ứng tốt hơn nhu cầu cho các nhiệm vụ quân sự quốc phòng trên địa bàn Quân khu

Cổ phần hoá DNNN trên địa bàn Quân khu VII là một vấn đề mới, hết sức nhạy cảm, liên quan đến nhiều vấn đề quan trọng trong nhận thức của các DN và người lao động như vấn đề sở hữu, CTCP, TTCK, việc làm, bảo hiểm, tài chính DN, vì vậy, đòi hỏi phải đổi mới cơ chế, chính sách để đẩy nhanh lộ trình CPH, tạo động lực cho các DN sau CPH phát triển bền vững, đáp ứng tốt hơn nhu cầu cho các nhiệm vụ QSQP trên địa bàn. Để thực hiện tốt vấn đề này, cần tập trung vào những biện pháp cụ thể: *Một là*, tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến CPH và cụ thể hoá sát với điều kiện của các địa phương trên địa bàn. *Hai là*, tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý doanh nghiệp sau CPH. *Ba là*, gắn kết chặt chẽ giữa quá trình CPH với phát triển thị trường chứng khoán. *Bốn là*, xây dựng thể chế mang tính hỗ trợ, khuyến khích các DNNN sau CPH tham gia sản xuất quốc phòng đáp ứng nhu cầu của nền QPTD trên địa bàn.

3.2.2. Đổi mới những nội dung công tác quốc phòng liên quan đến quá trình cổ phần hoá, tạo sự phát triển mới về thực hiện các nhiệm vụ quân sự quốc phòng trong các doanh nghiệp sau cổ phần hoá tại các địa phương trên địa bàn Quân khu

Công tác quốc phòng là một trong những nội dung hết sức quan trọng bởi nó phản ánh yêu cầu của hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và BVTQ; đồng thời trực tiếp cụ thể hoá các quan điểm, đường lối QPTD của Đảng. Vì vậy, để đổi mới những nội dung công tác quốc phòng liên quan đến quá trình CPH và sau CPH, các địa phương trên địa bàn Quân khu, cần tập trung vào những nội dung, giải pháp: *Một là*, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác giáo dục QPTD cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và người lao động trong DN. *Hai là*, tiếp tục đổi mới công tác tổ chức, quản lý, duy trì sự hoạt động của lực lượng tự vệ và dự bị động viên trong các DNNN cổ phần hoá. *Ba là*,

đa dạng hoá các hình thức huy động nguồn ngân sách phục vụ cho hoạt động quân sự quốc phòng trên địa bàn Quân khu.

3.2.3. Tăng cường phối, kết hợp giữa cơ quan chức năng thực hiện cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước với cơ quan quân sự các địa phương và Quân khu trong giải quyết các vấn đề liên quan đến quá trình cổ phần hoá với tăng cường khả năng quốc phòng sau cổ phần hoá

Để giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình CPH doanh nghiệp nhà nước với việc tăng cường khả năng quốc phòng sau CPH trên địa bàn Quân khu VII, cần phải tăng cường phối kết hợp giữa các cơ quan chức năng thực hiện CPH với cơ quan quân sự các cấp để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình CPH và sau CPH góp phần xây dựng QPTD vững mạnh. *Một là*, phát huy vai trò của các lực lượng vũ trang trên địa bàn Quân khu trong việc giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình CPH với tăng cường khả năng quốc phòng sau CPH trên địa bàn. *Hai là*, nêu cao vai trò, trách nhiệm của bản thân các DNNN sau CPH trong việc giải quyết những vấn đề liên quan đến tăng cường khả năng quốc phòng trên địa bàn Quân khu. *Ba là*, thực hiện tốt công tác phối kết hợp giữa các cơ quan, ban ngành, lực lượng liên quan đến việc giải quyết những vấn đề liên quan giữa CPH với tăng cường khả năng quốc phòng sau CPH trên địa bàn Quân khu.

3.2.4. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, sự quản lý của chính quyền các địa phương thuộc địa bàn Quân khu trong quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước và xây dựng nền quốc phòng toàn dân

Giải pháp này tiếp tục khẳng định tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý của chính quyền các địa phương trên địa bàn Quân khu đối với quá trình CPH doanh nghiệp nhà nước vừa là yêu cầu khách quan, vừa mang tính cấp bách trong điều tình hình hiện nay. Để thực hiện tốt giải pháp này, các chủ thể tập trung vào các nội dung: *Một là* nâng cao hiệu quả và đẩy nhanh việc tổ chức, thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về CPH doanh nghiệp nhà nước, xây dựng nền QPTD trên địa bàn. *Hai là*, củng cố, kiện toàn và phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước CPH trên địa bàn. *Ba là*, đổi mới phương thức lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng ở các DNNN cổ phần hoá cho phù hợp với mô hình của CTCP. *Bốn là*, nâng cao vai trò và hiệu quả quản lý của chính quyền các địa phương trên địa bàn đối với quá trình CPH doanh nghiệp nhà nước, nhằm nâng cao hiệu quả KT - XH và xây dựng nền QPTD.

Kết luận chương 3

Cổ phần hoá DNNN và xây dựng nền QPTD trên địa bàn Quân khu VII hiện nay là vấn đề cấp bách, phức tạp có liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều chủ thể khác nhau trên địa bàn. Vì vậy, để quá trình CPH doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Quân khu VII mang lại lợi ích “kép” vừa củng cố, tăng cường vai trò của DNNN thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, vừa có điều kiện thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng nền QPTD, thì việc quán triệt và thực hiện tốt những quan điểm và giải pháp trên đây một mặt sẽ thúc đẩy nhanh hơn quá trình CPH, mặt khác bảo đảm cho quá trình CPH doanh nghiệp nhà nước theo đúng định hướng XHCN, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và xây dựng nền QPTD trên địa bàn.

KẾT LUẬN

1. Cổ phần hoá DNNN là một trong những giải pháp quan trọng của quá trình đổi mới, sắp xếp DNNN, đó là việc chuyển các DNNN thành các CTCP; chuyển doanh nghiệp từ một chủ sở hữu là nhà nước sang sở hữu của nhiều chủ thể, trong đó có một phần sở hữu của nhà nước; là quá trình huy động các nguồn lực đầu tư phát triển sản xuất, xử lý và khắc phục những hạn chế, yếu kém của DNNN; tạo điều kiện cho cổ đông và người lao động thực sự làm chủ DN; đồng thời nhằm mục đích tạo chuyển biến căn bản trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế nhà nước.

2. Cổ phần hóa DNNN ở nước ta hiện nay là một đòi hỏi khách quan. Điều này được quy định không chỉ do yêu cầu của quy luật sự phù hợp QHSX với trình độ phát triển của LLSX; từ yêu cầu nâng cao hiệu quả SXKD và vai trò chủ đạo của KTNN; từ việc khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển KT - XH, mà còn là yêu cầu của việc nâng cao hiệu quả của DNNN trong hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Cổ phần hoá DNNN có nhiều ưu việt, tuy nhiên bên cạnh những tác động tích cực, thì quá trình CPH doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Quân khu VII cũng đưa lại những tác động tiêu cực đối với sự phát triển KT - XH và xây dựng nền QPTD cần được lý giải cả về lý luận và về thực tiễn, làm cơ sở cho việc đề xuất các quan điểm, giải pháp xử lý trong và sau CPH. Có như vậy, mới phát huy được những mặt tích cực và hạn chế những tác động tiêu cực của CPH doanh nghiệp nhà nước đến xây dựng nền QPTD trên địa bàn Quân khu VII hiện nay.

4. Thực tế quá trình CPH doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Quân khu VII cho thấy: quá trình CPH đã đạt được những kết quả nhất định, song vẫn còn những tồn tại hạn chế đó là: Nhận thức về vấn đề CPH còn những vướng mắc. Cơ chế chính sách còn những bất cập. Tính toán giá trị DN chưa đầy đủ

dẫn đến làm thất thoát tài sản của Nhà nước. Bộ máy thực hiện CPH chưa thực sự chuyên nghiệp. Tiến độ triển khai CPH còn chậm so với kế hoạch. Nhiều vấn đề đặt ra đòi hỏi phải được quan tâm giải quyết trong đó nổi lên một số vấn đề cơ bản như: mâu thuẫn giữa khả năng huy động với cơ chế huy động các nguồn lực cho nhiệm vụ xây dựng nền QPTD trên địa bàn Quân khu; mâu thuẫn giữa yêu cầu với khả năng xây dựng lực lượng của nền QPTD trong doanh nghiệp cổ phần trên địa bàn Quân khu; mâu thuẫn giữa yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của đảng, quản lý của nhà nước với mô hình quản lý doanh nghiệp và tổ chức lãnh đạo trong doanh nghiệp cổ phần trên địa bàn Quân khu; mâu thuẫn giữa yêu cầu của mô hình quản lý doanh nghiệp với việc đổi mới cơ chế, chính sách và nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ ở doanh nghiệp cổ phần trên địa bàn Quân khu.

5. Từ nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, để đẩy nhanh lộ trình CPH, phát huy những tác động tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực của CPH doanh nghiệp nhà nước đến xây dựng nền QPTD trên địa bàn Quân khu VII, theo tác giả, cùng với việc quán triệt và thực hiện tốt các quan điểm cơ bản chỉ đạo bảo đảm thúc đẩy quá trình CPH doanh nghiệp nhà nước, thì cần thực hiện đồng bộ các giải pháp có liên quan trực tiếp đến các chủ thể lãnh đạo, quản lý nhà nước và bản thân chủ thể các DNNN cũng như vai trò của các lực lượng liên quan trong toàn bộ quá trình CPH cũng như xây dựng nền QPTD trên địa bàn Quân khu VII hiện nay là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.